

Số: 223/BC- THCSPL

Sam Mún, ngày 30 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS Pom Lót xây dựng báo cáo công khai thường niên năm 2025, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường THCS Pom Lót

2. Địa chỉ:

- Địa chỉ: Thôn 4, xã Sam Mún, tỉnh Điện Biên
- Địa chỉ thư điện tử: thcspomlot.sm.@dienbien.edu.vn
- Địa chỉ website: <https://thcspomlot.huyendienbien.edu.vn>

3. Loại hình:

- Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Sam Mún

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập lành mạnh, nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục ổn định, để mỗi học sinh có kiến thức, có tri thức vững vàng bước vào trường trung học phổ thông, trường trung cấp nghề. Xây dựng các giá trị cốt lõi nhà trường như: Tinh thần đoàn kết; Tinh thần trách nhiệm; Tính trung thực; Tính sáng tạo; Lòng nhân ái; Khát vọng vươn lên.

- Tầm nhìn: Nhà trường phấn đấu trở thành trường có chất lượng cao về giáo dục trong huyện, tỉnh. Đào tạo ra những con người khỏe mạnh về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, đáp ứng được su hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Mục tiêu: Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Thực hiện chủ đề năm học **“Kỷ cương- Sáng tạo - Đột phá- Phát triển”**.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường: Phát huy hết những sở trường năng lực cá nhân để mang đến những điều mới mẻ bổ ích đến cho học sinh. Luôn quan tâm giúp đỡ trong cuộc sống và công việc, nhiệt tình tâm huyết trong mọi hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh. Bằng mọi hình thức giáo dục hữu hiệu nhà trường thiết lập được môi trường giáo dục mang tính nhân văn, giúp các em học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính

mình với một khả năng ứng xử văn hóa giáo dục hiện đại với những cách giao tiếp lịch sự văn minh tiếp thu nhanh chóng kiến thức mới mẻ, góp phần vào việc nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục Việt Nam.

Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện hiệu quả chương trình GDPT năm 2018 từ lớp 6 đến 9, nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia giữ vững mức độ 2, xây dựng trường học hạnh phúc.

Nhà trường thực hiện chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, đổi mới công tác quản lý nâng cao chất lượng giáo dục làm mục tiêu hàng đầu. Tổ chức hiệu quả dạy học 2 buổi/ ngày với các nội dung giáo dục STEM, năng lực số và trí tuệ nhân tạo, rèn luyện các kỹ năng cho học sinh, như: câu lạc bộ Tiếng Anh, bồi dưỡng HSG, học sinh năng khiếu nghệ thuật, thể thao, phụ đạo HS cần cố gắng, ... để tạo sân chơi cho học sinh yêu thích học tập, trao đổi kiến thức và khám phá những lĩnh vực mới nhằm kích thích sự sáng tạo, chủ động và phát triển toàn diện cho học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Pom Lót là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của UBND xã Sam Mứn, Phòng Văn hóa – Xã hội xã Sam Mứn. Trường THCS xã Pom Lót - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên được thành lập năm 1997 theo Quyết định số 661/QĐ-UB-TC ngày 24/9/1997 của UBND tỉnh Lai châu (nay là tỉnh Điện Biên). Năm 2013, do chia tách xã trường được đổi tên thành trường THCS xã Pom Lót theo Quyết định số 3874/2013/QĐ-UBND, ngày 03/10/2013 của UBND huyện Điện Biên. Năm 2025 do thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trường được đổi tên thành Trường THCS Pom Lót theo quyết định số 169/QĐ-UBND, ngày 29/8/2025 Về việc đổi tên các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND xã Sam Mứn.

Trường THCS Pom Lót là cơ sở giáo dục phổ thông công lập của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên.

Trải qua gần 30 năm phấn đấu và trưởng thành, nhiều thế hệ thầy giáo cô giáo và các em học sinh đã nối tiếp nhau tô thắm, làm dày thêm truyền thống nhà trường bởi những thành tích đáng tự hào.

Trong những năm học qua nhà trường đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên và đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận. Năm 2007, trường được UBND Tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; Năm 2013 trường được UBND tỉnh Điện Biên công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia lần 2 theo QĐ số 409/QĐ-UBND ngày 17/6/2013. Năm 2018 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia lần thứ 3 theo theo QĐ số 86/QĐ-UBND ngày 30/8/2018. Năm 2023 trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo quyết định số QĐ số 74/QĐ-UBND ngày 16/11/2023.

Trường được sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên công nhận Kiểm định chất lượng cấp độ 3 vào năm 2015 theo quyết định số 63/QĐ-SGDĐT, ngày 09/02/2015 và

được công nhận lại đạt cấp độ 3 năm 2023 theo quyết định số định số 21/QĐ-SGDĐT, ngày 11/01/2023.

Nhiều năm liền đạt Chi bộ Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Đảng ủy xã tặng giấy khen, năm 2021 được Huyện ủy tặng giấy khen chi bộ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 05 năm liền.

Những nỗ lực của tập thể nhà trường đã được ghi nhận nhiều năm liên tục được công nhận tập thể LĐTĐ và tập thể LĐXS, được Bộ Giáo dục & Đào tạo tặng Bằng khen, UBND tỉnh tặng Bằng khen, Sở Giáo dục & Đào tạo và UBND huyện; UBND xã tặng giấy khen.

Công đoàn được LĐLĐ huyện tặng giấy khen, LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen; tổng LĐLĐ Việt Nam tặng Bằng khen.

Liên đội được ban chấp hành trung ương đoàn tặng Bằng khen, Tỉnh đoàn Bằng khen và nhiều giấy khen của Hội đồng đội các cấp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Trần Thị Bích Nga Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Pom Lót, xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên

Số Điện thoại: 0942.070.278.

- Địa chỉ thư điện tử: ngattb.thcspl.hdb.@dienbien.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định số: 169/QĐ-UBND, ngày 29/8/2025 Về việc đổi tên các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND xã Sam Mứn.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

Quyết định công nhận hội đồng trường số Căn cứ Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên về việc thành lập Hội đồng trường THCS xã Pom Lót nhiệm kỳ 2022-2027; Quyết định số 2931/QĐ-UBND, ngày 25/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên về việc Bổ sung thành viên Hội đồng trường trường THCS xã Pom Lót nhiệm kỳ 2022-2027; (điều chỉnh theo công văn Số 2953/SGDĐT-VP, ngày 01/10/2025 Về việc triển khai thực hiện công tác Hội đồng trường trong các trường giáo dục mầm non, phổ thông công lập).

STT	Họ và tên	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Trần Thị Bích Nga	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng
2	Trần Anh Tuấn	Phó hiệu trưởng
3	Vi Thị Thùy Biên	P. Chủ tịch công đoàn trường
4	Phạm Thị Đào	Y tế, Tổ trưởng tổ Văn Phòng
5	Trịnh Văn Quyết	Giáo viên, tổ trưởng tổ chuyên môn
6	Ngô Thúy Diệp	Giáo viên, thư ký Hội đồng sư phạm
7	Nguyễn Huy Thục	Giáo viên, tổ trưởng tổ chuyên môn
8	Trần Văn Điển	Đại diện đoàn thanh niên
9	Nguyễn Văn Luyện	Đại diện chính quyền địa phương

10	Vũ Văn Cường	Trưởng Ban đại diện CMHS
11	Đinh Thị Thanh Tú	Đại diện học sinh nhà trường

Chủ tịch hội đồng trường là Bà Trần Thị Bích Nga – Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng được UBND huyện Điện Biên công nhận tại quyết định số 2967/QĐ-UBND, ngày 13/10/2023 của UBND huyện Điện Biên về việc công nhận chủ tịch Hội đồng trường trường THCS xã Pom Lót nhiệm kỳ 2022-2027.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục.

Quyết định bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Pom Lót bà Trần Thị Bích Nga số: 246/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân xã Sam Mứn, về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Hiệu trưởng trường THCS Pom Lót, nhiệm kỳ 5 năm (60 tháng) kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021;

Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng ông Trần Anh Tuấn trường THCS Pom Lót số: 254/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân xã Sam Mứn, về việc bổ nhiệm viên chức quản lý, về việc bổ nhiệm phó Hiệu trưởng trường THCS Pom Lót, nhiệm kỳ 5 năm từ ngày 02 tháng 5 năm 2024;

Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng ông Cà Ngọc An trường THCS Pom Lót số: 221/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân xã Sam Mứn, về việc bổ nhiệm viên chức quản lý về việc bổ nhiệm phó Hiệu trưởng trường THCS Pom Lót, nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày 06 tháng 3 năm 2025;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

+ Quy chế hoạt động của nhà trường: *(Có quy chế riêng)*

+ Chức năng, nhiệm vụ của trường: Trường là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Sam Mứn, Phòng Văn hóa – Xã hội xã Sam Mứn quản lý. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của Trường được quy định tại Điều 3, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

+ Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường: gồm: hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học; tổ phục vụ các hoạt động giáo dục.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên: Không có

* Hiệu trưởng:
Họ và tên: Trần Thị Bích Nga Số điện thoại: 0942070278
Thư điện tử: ngattb.thcspl.hdb.@dienbien.edu.vn
Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Pom Lót, xã Sam Mứn, tỉnh Điện

* Phó hiệu trưởng: Trần Anh Tuấn
Số điện thoại: 0889900369
Thư điện tử: tuanta.thcspl.hdb.@dienbien.edu.vn
Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Pom Lót, xã Sam Mứn, tỉnh Điện

* Phó hiệu trưởng: Cà Ngọc An
Số điện thoại: 0911961248
Thư điện tử: antcn.thcspl.hdb.@dienbien.edu.vn
Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Pom Lót, xã Sam Mứn, tỉnh Điện

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; Các nghị quyết của hội đồng trường; Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; Quy chế nội bộ khác. *(Nhà trường có đầy đủ các loại quy chế trên)*

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo tính đến ngày 1/10/2025.

- Số lượng đội ngũ CBQL-GV-NV
- + Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 03
- + Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (Giáo viên): 33
- + Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 0
- + Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03

stt	Vị trí việc làm	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Th S	Đ H	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng III+	Hạng II	Hạng I

2.5	Vị trí việc làm tư vấn học sinh								
2.6	Vị trí việc làm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật								
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung								
1	Vị trí việc làm thư viện, quản trị công sở								
2	Vị trí việc làm Kế toán	1		1			1		
3	Vị trí việc làm Văn thư	1				1	1		
4	Vị trí việc làm Thủ quỹ								
5	Vị trí việc làm mytê học đường	1			1		1		
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	1				1	1		
1	Vị trí việc làm nhân viên bảo vệ trường học	1				1	1		
2	Vị trí làm việc nhân viên phục vụ								
3	Vị trí làm việc nhân viên nấu ăn								

2) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Stt	Nội dung	Số lượng	Kết quả xếp loại Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
I	Cán bộ quản lý	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0		
II	Giáo viên	33	21	12		
Tổng cộng		36	24	12		
Tỷ lệ %		100	66,67	33,33		

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Stt	Nội dung	Số lượng	Kết quả Hoàn thành BDTX	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
I	Cán bộ quản lý	3	3	
1	Hiệu trưởng	1	1	0
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0
II	Giáo viên	33	33	0
Tổng cộng		36	36	0
Tỷ lệ %		100	100	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT.

a) Trường có khuôn viên riêng biệt

Diện tích trường	Bìnhquân/họcsinh	Quy định
8769,4m ²	14,7m ²	10m ²

b) Số lượng, hạng mục các khối phòng:

- Khối phòng hành chính quản trị: 09 phòng đủ so với quy định.
- Khối phòng học tập: 17 phòng (kiên cố 17 phòng); Phòng bộ môn 5 phòng (thiếu phòng Mỹ thuật; Công nghệ; KHXH; Sinh học và phòng đa chức năng).
- Khối phòng hỗ trợ học tập: 3 phòng
- Khối phụ trợ: Đủ, đảm bảo so với quy định.
- Khu sân chơi thể thao: Sân chơi, bãi tập diện tích 2500m² (diện tích sân chơi, bãi tập chiếm khoảng 30% diện tích toàn trường). Khu vực sân chơi có nhiều cây xanh, bóng mát thuận lợi cho học sinh tập luyện khi thời tiết nắng nóng; có đủ thiết bị tối thiểu để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Cơ sở vật chất	m ²	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Mượn
DT khuôn viên	8976,4					
Phòng BGH	60	2	2			
Phòng học văn hóa	850	17	17			
Phòng học môn KHTN	10	2		2		
Phòng học ngoại ngữ	50	1	1			
Phòng Nghệ thuật	50	1		1		
Phòng chuẩn bị						
Phòng sinh hoạt tổ bộ môn	60	3		3		
Phòng kế toán	20	1		1		
Phòng đoàn, đội	20	1	1			
Văn phòng	80	1	1			
Phòng học tin	50	1	1			
Thư viện	90	2	2			

Kho thiết bị	50	2			1	
Phòng Bảo vệ	15	1		1		
Nhà vệ sinh GV	50	1	1			
Nhà vệ sinh HS	200	2	1	1		
Nhà xe HS	320	1		1		
Nhà xe GV	100	1		1		
Tường bao	2500					
Sân chơi	2500	2	2			
Bàn ghế HS 2 chỗ ngồi	315					
Máy tính Phục vụ học tập	31					
Máy tính phục vụ quản lý	12					
Máy chiếu	20					
Màn hình thông minh	02					
Ti vi	02					
Máy phô tô	2					
Hệ thống nước sạch	2					

Do nhà trường đã xây dựng từ năm 1997, đa số phòng học, phòng bộ môn diện tích hẹp hơn so với TT13/2020 của Bộ GD và ĐT

c) Số thiết bị dạy học hiện có, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Danh mục SGK, sách tham khảo..

ST T	Nội dung		Số lượng	Đáp ứng
1	Khối lớp 6		01	Đáp ứng
2	Khối lớp 7		01	Đáp ứng
3	Khối lớp 8		01	Đáp ứng
4	Khối lớp 9		01	Đáp ứng
Sách giáo khoa (Chương trình GDPT 2018)				
5	Khối 6		28	Đủ hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn – dùng tài nguyên chung của thư viện
6	Khối 7		22	
7	Khối 8		20	
8	Khối 9		20	
9	Sách tham khảo theo chương trình 2018(SGV)		1366	Đáp ứng đủ
Sách giáo dục địa phương				
10	Khối 6		250	Đáp ứng đủ
11	Khối 7		250	Đáp ứng đủ
12	Khối 8		250	Đáp ứng đủ
13	Khối 9		250	Đáp ứng đủ
Xuất bản phẩm tham khảo				
14	Truyện, báo tạp chí		550	Đáp ứng đủ
15	Sách pháp luật		60	Đáp ứng đủ
16	Sách kỹ năng sống		118	Đáp ứng đủ
17	Báo, truyện thiếu nhi		1500	Đáp ứng đủ

18	Sách về Đảng		30	Đáp ứng đủ
----	--------------	--	----	------------

Hàng năm đều tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung kịp thời

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa lớp 6;7;8;9 từ năm học 2025-2026: Bộ sách kết nối tri thức.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Trường Đạt KĐCLGD đạt cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025 (kế hoạch số: 72/KH-THCSPL ngày 15/9/2024)

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm

	Kết quả đánh giá và KĐCLGD năm học 2024-2025		Kế hoạch đánh giá và KĐCLGD năm học 2025-2026	
	Đánh giá trường đạt Chuẩn QG	Kiểm định CLGD	Đánh giá trường đạt Chuẩn QG	Kiểm định CLGD
KQ&KH đánh giá	Mức độ 2	Cấp độ 3	Mức độ 2	Mức độ 3
Mốc TG đánh giá hàng năm	12/2023	12/2023	12/2024	12/2024
Mốc TG đánh giá 05 năm	12/2027	12/2027	12/2027	12/2027

Báo cáo và các tiêu chuẩn của mỗi tiêu chí đã được công khai trên website nhà trường.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a) Công tác tuyển sinh học sinh lớp 6

- Kế hoạch tuyển sinh: Trường THCS xã Pom Lót đã ban hành kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 (kế hoạch số 28/KH-THCSPL, ngày 26/4/2025).

- Phương thức: Xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh từ ngày 21/5/2025 - 30/5/2025

- Chỉ tiêu: 100%; Kết quả tuyển sinh: 156/156 = 100%

b) Kế hoạch giáo dục nhà trường: Đăng tải trên website nhà trường; Phần mềm e.Doc

c) Quy chế phối hợp giữa gia đình và học sinh: Đăng tải trên website nhà trường;

d) Các chương trình hoạt động và hỗ trợ chương trình giáo dục nhà trường
- Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu: Đăng website nhà trường;

- Các hoạt động trải nghiệm, trong và ngoài nhà trường;

- Dạy học môn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;

đ) Kết quả giáo dục năm học 2024-2025

- Số học sinh có 617 học sinh, nữ 293 HS, nam 322 HS, dân tộc 340 HS, nữ dân tộc 161 HS, HS khuyết tật hòa nhập 03 HS, đối tượng chính Sách 124 HS. chia theo từng khối lớp:

Khối	Số lớp	Học sinh	Dân tộc	Nữ	Nữ DT	HS KT
6	4	139	83	65	41	
7	5	189	105	96	47	1
8	4	149	85	66	41	2
9	4	145	80	67	37	2
Tổng	17	622	353	294	166	5

- Số học sinh/lớp so với năm học trước tăng 5 học sinh (do đầu vào học sinh khối 6 tăng so với học sinh đầu ra lớp 9) và so với kế hoạch UBND huyện giao đảm bảo (so với đầu năm học không tăng, giảm) số học sinh bỏ học: không, số học sinh đi học không chuyên cần: không

- Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp từng độ tuổi, so sánh tăng/giảm với năm học trước và kế hoạch UBND tỉnh giao, cụ thể:

Tỷ lệ huy động trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 100%

Tỷ lệ 11-14 tuổi học THCS: 407/408 đạt 99,8% .

Tỷ lệ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS là 331/343 đạt 96,5%. Số học sinh 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đi học THPT hoặc học nghề là 305/343 đạt tỷ lệ 96,5%.

Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

- Đánh giá kết quả, chất lượng giáo dục: năm học 2024-2025

- Học sinh khối 6; 7; 8 chuyên lớp 474/477 đạt tỷ lệ 99,4%.

- Học sinh xuất sắc: 20/622 đạt tỉ lệ 3,2%.

- Học sinh giỏi: 102/622 đạt tỉ lệ 16,4%

- Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện: 199/622 đạt tỉ lệ 32%.

- Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS: 142/145 = 98%.

Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp THCS: 142 HS

Khối	TS	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	139	13	9,4	78	56,1	47	33,8	1	0,7	117	84,2	20	14,4	1	0,7	1 =0,7%	
7	189	43	22,8	86	45,5	59	31,2	1	0,5	163	86,2	21	11,1	4	2,1	1=0,5%	
8	149	31	20,8	63	42,3	54	36,2	1	0,7	124	83,2	18	12,1	7	4,7	0	
9	145	34	23,4	67	46,2	41	28,3	3	2,1	118	81,4	18	12,4	9	6,2	0	
	622	121	19,5	294	47,3	201	32,3	6	1	522	83,9	77	12,4	21	3,4	2 = 0,3 %	

Kết quả thực hiện các cuộc thi:

Các cuộc thi	Cấp huyện				Cấp tỉnh			
	Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK
HS giỏi các môn văn hóa khối 9		3	6	14		1	6	7
HSG các môn văn hóa 6,7,8		6	4	41				
Thi IOE tiếng Anh trên mạng		2	2	14		1	3	12
Thi KHKT	1			1				
Thi STTTN	1		2	1				

-Thẻ thao học sinh lần thứ II:

Cấp huyện: 21 giải (03 giải nhất; 08 giải nhì; 10 giải ba) xếp thứ ba toàn huyện.

Cấp tỉnh: 02giải nhất; 06giải ba.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Nhà trường công khai tài chính theo quy định.

Các khoản thu và mức thu thực hiện đúng văn Bản của các cấp.

Thực hiện đảm bảo chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học. Thực hiện tốt dân chủ tại nhà trường.

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2024)
A	TỔNG THU	11.305.781.602	9.454.988.790
I	Thu ngân sách	11.247.344.102	9.349.876.290
1	Nguồn chi thường xuyên	10.193.810.622	8.486.288.265
2	Nguồn chi không thường xuyên	1.053.533.480	863.588.025
II	Thu giáo dục và đào tạo	58.437.500	105.112.500
1	Học phí	58.437.500	105.112.500
2	Thu khác		
IV	Thu khác		98.112.484

B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	11.305.781.602	9.454.988.790
I	Chi lương, thu nhập	9.891.463.122	8.426.809.213
1	Chi lương, thu nhập của CBGVNV	9.846.047.922	8.381.394.013
2	Chi lương, thu nhập cho NLĐ	45.415.200	45.415.200
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	360.785.000	304.667.668
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	360.785.000	304.667.668
III	Chi hỗ trợ người học	1.053.533.480	625.399.425
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	224.810.000	185.388.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác	828723480	440.011.425
IV	Chi khác		98.112.484
C	CHÊNH LỆCH THU CHI (C= A-B)		

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

2.1. Học phí

Đối tượng	ĐVT	Mức thu	
		Năm báo cáo (Năm 2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2024)
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực I	Đồng/tháng	25.000	25.000
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực II	Đồng/tháng	15.000	15.000
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã khu vực III hoặc thôn, bản đặc biệt khó khăn	Đồng/tháng	0	0

2. 2.Các khoản thu dịch vụ phục vụ HDCSGD khác, nguồn VDTT

STT	Tên khoản thu	ĐVT	Mức thu	
			Năm báo cáo	Năm báo

			(Năm 2025)	cáo (Năm 2024)
1	Dịch vụ dọn vệ sinh	Năm/học sinh	90.000	70.000
2	Dịch vụ cung cấp nước uống	Năm/học sinh	Không thu	50.000

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2025)	Năm trước liên kế năm báo cáo (Năm 2024)
1	Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/NĐ-CP, ND238/2025/NĐ-CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	124	130
	+ Định mức hỗ trợ (đồng/tháng)	150.000	150.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	175.500.000	170.700.000
2	Chính sách CBMGHP theo ND 81/2021/NĐ-CP, ND238/2025/NĐ-CP		
	Tổng số học sinh được phê duyệt CBMGHP	814	183
	Trong đó + Mức miễn giảm 100%	759	135
	+ Mức Miễn giảm 50%	55	48
	+Mức Miễn giảm 70%		
	+ Tổng số tiền MGCBBHP	31.460.000	30.092.500
3	Chính sách Hỗ trợ HS khuyết tật theo TT 42		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	2	2
	+ Định mức hỗ trợ	1.872.000	1.872.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	17.850.000	14.688.000

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018). Triển khai thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo.

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý. Xây dựng kế hoạch

nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; công khai chất lượng giáo dục; xây dựng, phát triển hiệu quả mô hình “Trường học hạnh phúc”. Ngôi nhà hạnh phúc”.

3. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS.

4. củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền. củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, phát triển thể thao trường học, duy trì tổ chức các hoạt động VH, VN, TDTT. y tế, trường học, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo môi trường học tập an toàn, lành mạnh.

6. Tiếp tục đã đẩy mạnh công tác truyền thông về Đại hội Đảng các cấp, giáo dục phổ thông, các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo dục thể chất, các hoạt động phòng trào, các ngày lễ lớn của xã, tỉnh và của đất nước....qua phát thanh, băng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang Zalo, fb; web....

Các nội dung đều được nhà trường công khai trên cổng thông tin điện tử website địa chỉ <https://thcspomlot.huyendienbien.edu.vn/>

Trên đây là báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông của trường THCS Pom Lót./.

Nơi nhận:

- UBND xã Sam Mứn (b/c)
- Phòng VH-XH (b/c);
- CBGV, NV nhà trường;
- Web của trường;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Bích Nga

